

Số: 222/TTr-UBND

Tam Kỳ, ngày 08 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH
V/v điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Tam Kỳ.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 04/10/2021 của HĐND của HĐND thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025; Nghị quyết 197/NQ-HĐND ngày 27/7/2022 của HĐND thành phố về điều chỉnh Kế hoạch, bổ sung dự án đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025; Nghị quyết 337/NQ-HĐND ngày 22/11/2022 của HĐND thành phố về việc bổ sung dự án và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025; Nghị quyết 102/NQ-HĐND ngày 17/5/2023 của HĐND thành phố về bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn 2021-2025;

Do dự kiến tổng nguồn vốn cân đối trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 giảm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn được HĐND thành phố thông qua; đồng thời xét tính cần thiết bổ sung một số danh mục công trình, dự án, chương trình để triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI nhiệm kỳ 2020-2025 nữa nhiệm kỳ còn lại và các Nghị quyết đã được HĐND thành phố thông qua; UBND thành phố kính kính trình HĐND thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

I- Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 :

1.1. Tình hình chung :

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được HĐND thành phố thông qua tại các Nghị quyết :

- Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 04/10/2021;
- Điều chỉnh, bổ sung 03 lần tại các Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 27/7/2022 và Nghị quyết số 337/NQ-HĐND ngày 22/11/2022, Nghị quyết 102/NQ-HĐND ngày 17/5/2023:

1.1.1. Tổng nguồn vốn cân đối thực hiện đầu tư giai đoạn 2021-2025: 4.052,705 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn chuyển nguồn giai đoạn 2015-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 236,0 tỷ đồng

+ Ngân sách tập trung: 133,705 tỷ đồng

+ Nguồn thu sử dụng đất 2021-2025: 2.483,000 tỷ đồng

+ Nguồn trung ương, tỉnh hỗ trợ: 1.000,0 tỷ đồng

+ Nguồn vốn khác (vượt thu, thu từ sắp xếp tài sản công, thuê đất): 200,0 tỷ đồng

1.1.2. Tổng số danh mục 267 dự án (không tính dự án chờ quyết toán): 48 chuyển tiếp; 219 danh mục dự án mới – gồm: 26 danh mục quy hoạch, 193 danh mục công trình đầu tư xây dựng;

Tổng kế hoạch vốn thực hiện trong giai đoạn 2021-2025: 4.052,705 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn để trả nợ và thanh toán khối lượng: 1.599,850 tỷ đồng

+ Vốn dành cho khởi công mới và hỗ trợ có mục tiêu xã, phường : 2.165,335 tỷ đồng (bao gồm hỗ trợ có mục tiêu xã, phường: 190,0 tỷ đồng, trong đó từ nguồn khai thác đất lẻ, hợp thức hóa đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất tại xã, phường: 120,0 tỷ đồng).

+ Dự phòng: 287,520 tỷ đồng

1.2. Tình hình triển khai thực hiện đầu tư công trung hạn 2021-2025

1.2.1. Tình hình thực hiện và khả năng huy động nguồn vốn đầu tư công :

Tổng nguồn vốn kế hoạch trung hạn 2021-2025 được phê duyệt là **4.052,705 tỷ đồng**. Qua đánh giá kết quả 2 năm thực hiện 2021-2022 và kế hoạch 2023; đồng thời dự kiến thực hiện trong 2 năm 2024-2025; Dự kiến nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 như sau :

a) Nguồn chuyển nguồn : 236,0 tỷ đồng – không thay đổi.

b) Nguồn ngân sách tập trung:

- Theo Kế hoạch trung hạn, dự kiến nguồn vốn Ngân sách tập trung giai đoạn 2021-2025 là 133,705 tỷ đồng.

- Thực tế qua 03 năm: 2021-2023: đã bố trí 46,570 tỷ đồng, dự kiến 02 năm còn lại (2024-2025) khoảng 37,268 tỷ đồng (bình quân mỗi năm bằng năm 2023); Tổng nguồn ngân sách tập trung giai đoạn 2021-2025 thực hiện khoảng 83,838 tỷ đồng, **giảm 49,867 tỷ đồng** so với kế hoạch.

c) Nguồn thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả phần tỉnh thu điều tiết NSTP):

- Kế hoạch : 2.483 tỷ đồng.
- Dự kiến thu đạt khoảng 2.238,416 tỷ đồng (**giảm 284,584** tỷ đồng so với kế hoạch).

Trong đó:

- + Nguồn thu sử dụng đất đã thực hiện năm 2021-2022: 503,416 tỷ đồng.
- + Kế hoạch thu sử dụng đất năm 2023: 435 tỷ đồng (thu sử dụng đất thành phố: 350 tỷ đồng, thu sử dụng đất các dự án tỉnh điều tiết: 85 tỷ đồng). Ước năm 2023 thu đạt khoảng 639,9 tỷ đồng (tỉnh thu điều tiết 359,9 tỷ đồng, thành phố thu 280 tỷ đồng).
- + Kế hoạch thu sử dụng đất năm 2024-2025: 1.055,1 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 527,55,0 tỷ đồng; trong đó thành phố thu: 400 tỷ đồng/năm; nguồn tỉnh thu điều tiết khoảng: 127,550 tỷ đồng/năm).

d) Nguồn trung ương, tỉnh hỗ trợ :

- Kế hoạch 1.000 tỷ đồng;
- Dự kiến thực hiện khoảng 473,952 tỷ đồng; **giảm 526,048** tỷ đồng so với kế hoạch. Cụ thể :
 - + Đã hỗ trợ năm 2021, 2022: 268,952 tỷ đồng.
 - + Dự kiến giai đoạn 2023-2025 tỉnh hỗ trợ khoảng 205,0 tỷ đồng (năm 2023: 5 tỷ, 2024-2025: 200 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn khác (vượt thu, thu từ sắp xếp tài sản công,...): kế hoạch là 200 tỷ đồng; dự kiến đạt khoảng 200 tỷ đồng – không đổi

Như vậy, dự kiến huy động nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025: 3.192,206/4.052,705 tỷ đồng, **giảm 860,499** tỷ đồng so với kế hoạch đầu tư công trung hạn được HĐND thành phố thông qua

(Tổng hợp nguồn vốn đầu tư công tại phụ lục 01 đính kèm).

1.2.2. Tình hình triển khai thực hiện các dự án khởi công mới :

Tổng số danh mục khởi công mới là 219 danh mục; trong đó có 26 danh mục quy hoạch và 193 danh mục dự án đầu tư.

a) Đối với các danh mục quy hoạch : đã phê duyệt nhiệm vụ 8/26 danh mục và đang triển khai thực hiện.

b) Đối với các dự án đầu tư mới, đã phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện 103/193 danh mục công trình xây dựng với tổng mức đầu tư: 3.298 tỷ đồng.

- Còn 90/193 danh mục công trình xây dựng chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 4.515 tỷ đồng.

II. Đề xuất định hướng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025



1. Định hướng chung: về cơ bản bám theo kế hoạch trung hạn đã phê duyệt để thực hiện; đồng thời rà soát điều chỉnh nguồn vốn đã bố trí từ các dự án đã được bố trí kế hoạch nhưng chậm hoặc khó thực hiện sang các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 và các dự án có điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

2. Đối với nhóm dự án hoàn thành chờ quyết toán, các dự án chuyển tiếp và mới dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025: Bố trí đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện hoàn thành đưa vào sử dụng và quyết toán dự án hoàn thành.

3. Đảm bảo các nguồn vốn đối ứng của thành phố cho các công trình, dự án của Tỉnh, Trung ương, dự án ODA triển khai trên địa bàn thành phố.

4. Đối với nhóm dự án thuộc danh mục dự án mới:

- Đối với nhóm danh mục dự án mới đã phê duyệt chủ trương đầu tư: cơ bản thực hiện theo kế hoạch vốn đã bố trí thực hiện giai đoạn 2021-2025⁽¹⁾.

- Đối với nhóm danh mục dự án mới chưa phê duyệt chủ trương đầu tư: về cơ bản giữ nguồn danh mục đã đề xuất theo kế hoạch ban đầu. Tuy nhiên do nguồn vốn cân đối trong kế hoạch đầu tư công trung hạn dự kiến giảm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn được HĐND thành phố thông qua, do đó điều chỉnh theo hướng giãn tiến độ thực hiện một số dự án, sẽ thực hiện khi xuất hiện nguồn vốn đầu tư. Trong đó thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án như sau:

+ Các dự án chiến lược tạo động lực thúc đẩy kinh tế xã hội. Các dự án có tạo ra nguồn lực đầu tư (dự án KDC), các dự án tự cân đối nguồn vốn để thực hiện.

+ Các dự án thuộc các chương trình, đề án đã được Thành ủy, HĐND thành phố phê duyệt (*đề án giáo dục, đề án phát triển kinh tế nông nghiệp, đề án phát triển du lịch; đề án về xây dựng nhà văn hóa thôn, khối phố; đề án xây dựng chòi tránh trú bão lũ; ...*).

+ Các dự án khớp nối giao thông, thoát nước và các dự án thực sự bức xúc nhằm giải quyết nhu cầu cần thiết của người dân.

+ Ưu tiên bố trí vốn các dự án có khả thi cao, có khả năng thực hiện tốt

+ Các dự án còn lại đề xuất giãn tiến độ, thực hiện chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư sau năm 2025.

5. Một số nội dung cụ thể :

Tổng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh giảm: 860,499 tỷ đồng, bao gồm:

5.1. Về điều chỉnh giảm

Các dự án, chương trình và nguồn dự phòng đề nghị điều chỉnh giảm là 1.447,690 tỷ đồng, cụ thể:

- Đề nghị cắt giảm, chuyển đầu tư giai đoạn 2026-2030 đầu tư: 64 danh mục, tổng mức đầu tư 2.146,920 tỷ đồng, (tương ứng giảm kế hoạch giai đoạn 2021-2025: 474,186 tỷ đồng); trong đó có 02 dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư (dự án Sửa

¹ Kế hoạch vốn đã bố trí tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 04/10/2021; điều chỉnh, bổ sung 03 lần tại các Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 27/7/2022 và Nghị quyết số 337/NQ-HĐND ngày 22/11/2022, Nghị quyết 102/NQ-HĐND ngày 17/5/2023

chữa, nâng cấp nút chặn đường Điện Biên Phủ-QL40B và khu TĐC và dự án: Đường và Hệ thống thoát nước Trường Xuân-Phú Ninh)

Chi tiết cắt giảm, chuyển đầu tư giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục 02 đính kèm

- Đề xuất giảm kế hoạch một số dự án dự kiến không sử dụng hết vốn đã được HĐND thành phố thông qua, giảm 730,400 tỷ đồng.

- Đề xuất giảm nguồn dự phòng: 243,104 tỷ đồng

5.2. Về điều chỉnh tăng

Các dự án, chương trình Nghị quyết đề nghị điều chỉnh tăng là 587,191 tỷ đồng, cụ thể:

- Đề nghị bổ sung 17 danh mục dự án, chương trình nghị quyết, bao gồm 05 Nghị quyết HĐND thành phố đã ban hành và một số dự án cần thiết phải đầu tư trong giai đoạn 2021-2025; kế hoạch bổ sung để thực hiện : 110,500 tỷ đồng.

Chi tiết bổ sung tại Phụ lục 03 đính kèm

- Đề xuất bổ sung tăng kế hoạch vốn cho một số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025, các dự án cần bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; kế hoạch bổ sung để thực hiện: 476,691 tỷ đồng

6. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung:

Tổng kế hoạch vốn thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung: **3.192,206** tỷ đồng; trong đó:

+ Vốn bố trí dự án chờ quyết toán: **70,915** tỷ đồng;

+ Vốn bố trí các dự án chuyển tiếp: **1.176,576** tỷ đồng.

+ Vốn bố trí các dự án khởi công mới: **1.780,299** tỷ đồng

+ Bổ sung có mục tiêu cho UBND xã, phường thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn khai thác đất lẻ, hợp thức hóa đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất tại địa phương: **120,000** tỷ đồng

+ Dự phòng: **44,416** tỷ đồng.

Chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung tại Phụ lục 04 đính kèm

7. Bổ sung giải pháp thực hiện

Ngoài thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 04/10/2021 của HĐND của HĐND thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025; để thực hiện tốt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong những năm còn lại, cần tập trung một số giải pháp sau:

+ Chủ động, tích cực tranh thủ nguồn vốn tỉnh

+ Tiếp tục tập trung sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ đột phá của công tác bồi thường, GPMB, tái định cư tạo mặt bằng sạch đáp ứng tiến độ triển khai các dự án đầu tư

+ Tính toán, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư, nhất là các dự án tạo ra quỹ đất, tập trung khai thác nguồn thu từ đất để đảm bảo nhiệm vụ chi.

+ Tăng cường xúc tiến thu hút đầu tư, nhất là các dự án lớn, tạo động lực phát triển và tạo nguồn thu từ đất.

Kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVTU, TT.HĐND Thành phố (b/c);
- CT, các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các phòng ban, đơn vị Thành phố;
- CPVP, CV;
- Lưu VT.



Bùi Ngọc Ảnh

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Đề xuất điều chỉnh vốn giai đoạn 2021-2025				Chênh lệch
			Tổng số	Đã thực hiện giai đoạn 2021-2022	Ước thực hiện 2023	Dự kiến giai đoạn 2024-2025	
*	<i>Tổng cộng :</i>	4.052.705	3.192.206	1.036.304	683.534	1.472.368	(860.499)
1	Nguồn XDCB chuyển nguồn	236.000	236.000	236.000			-
2	Nguồn ngân sách tập trung	133.705	83.838	27.936	18.634	37.268	(49.867)
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất	2.483.000	2.198.416	503.416	639.900	1.055.100	(284.584)
a	<i>Thành phố thu</i>				280.000	800.000	
b	<i>Tỉnh thu điều tiết</i>				359.900	255.100	
4	Nguồn Trung ương + Tỉnh hỗ trợ (bổ sung có mục tiêu theo cơ chế đặc thù để xây dựng đô thị loại I)	1.000.000	473.952	268.952	5.000	200.000	(526.048)
5	Nguồn vốn khác (vượt thu, bán nhà SHNN, đất, tài sản gắn liền với đất theo PA sắp xếp, xử lý tài sản công...)	200.000	200.000		20.000	180.000	-

DANH MỤC DỰ ÁN CẮT GIẢM, CHUYỂN SANG ĐẦU TƯ SAU NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Điều chỉnh giảm KH trung hạn 21-25	Ghi chú
I	CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH	17.900	14.900	-14.900	
1	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu TM DV và du lịch dọc tuyến ven biển Tỉnh Thủy – Thượng Thanh	1.500	1.200	-1.200	Đưa ra khỏi danh mục (gắn với dự án)
2	Điều chỉnh quy hoạch khu Bắc Trung tâm thương mại	900	900	-900	Đưa ra khỏi danh mục (gắn với dự án)
3	Quy hoạch chi tiết 1/500 KDC-TĐC Hồng Lư - Hương Chánh	1.000	1.000	-1.000	Đưa ra khỏi danh mục
4	Thiết kế cảnh quan đô thị đường Bạch Đằng (Đã thay đổi: Đ/c QHCT đường Bạch Đằng)	1.000	1.000	-1.000	Đưa ra khỏi danh mục
5	Quy hoạch chi tiết đồi An Hà	1.500	1.000	-1.000	Đưa ra khỏi danh mục (gắn với dự án)
6	Quy hoạch chi tiết khu vực bến xe (phường Tân Thạnh)	500	500	-500	Đưa ra khỏi danh mục (gắn với dự án)
7	Thiết kế cảnh quan đô thị đường Nguyễn Tất Thành	5.000	4.000	-4.000	Đưa ra khỏi danh mục
8	Quy hoạch Trung tâm Hành chính thành phố Tam Kỳ (mới)	4.000	3.000	-3.000	chuyển giai đoạn sau
9	Quy hoạch sắp xếp tiểu thủ công nghiệp	1.000	900	-900	Đưa ra khỏi danh mục
10	Quy hoạch cảnh quan hồ điều hòa Duy Tân	1.500	1.400	-1.400	Đưa ra khỏi danh mục, gắn với dự án đầu tư
II	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - CÂY XANH	40.000	17.000	-17.000	
1	Công viên Nguyễn Du (gđ 2)	10.000	9.000	-9.000	chuyển giai đoạn sau
2	Công viên đường Trần Hưng Đạo- Trần Phú	20.000	4.000	-4.000	chuyển giai đoạn sau
3	Cải tạo cảnh quan ven hồ Ngã ba (sửa chữa đường dạo, lan can điện chiếu sáng)	10.000	4.000	-4.000	Đưa ra khỏi DM
III	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	136.702	58.386	-58.386	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Điều chỉnh giảm KH trung hạn 21-25	Ghi chú
1	Mở rộng trường THCS Chu Văn An (Bồi thường, san nền, tường rào)	14.986	12.886	-12.886	Chuyển giai đoạn sau đầu tư
2	Hệ thống Camera trường học	10.000	6.500	-6.500	Đưa ra khỏi danh mục
3	Trường TH Hùng Vương Xây mới 03 phòng học, cải tạo 01 phòng học, 01 phòng tin học, 02 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng hội đồng sư phạm, 01 phòng truyền thống	9.000	4.000	-4.000	CBĐT
4	Trường THCS Lý Tự Trọng Xây mới 04 phòng học, 01 phòng tin học, 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 02 phòng ngoại ngữ, 01 phòng đoàn đội, y tế, 01 nhà đa năng, 01 nhà thể dục	15.000	8.000	-8.000	CBĐT
5	Trường THCS Lê Lợi Xây mới 02 phòng học, cải tạo 06 phòng học, 02 phòng lý, hóa, sinh, công nghệ, 01 phòng tin học, 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng đoàn đội, y tế, 01 phòng hội đồng sư phạm	3.000	2.000	-2.000	CBĐT
6	Trường MG Hoa Sen Tường rào, Xây mới 04 phòng học, 01 phòng tin học, 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ	7.000	3.000	-3.000	CBĐT
7	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	77.716	22.000	-22.000	Chuyển đầu tư giai đoạn 2025-2030
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN- THỂ DỤC THỂ THAO- Y TẾ- XÃ HỘI	125.000	51.700	-51.700	
1	Hạ tầng du lịch cộng đồng xã Tam Thanh	8.000	4.000	-4.000	Đầu tư danh mục hạ tầng du lịch chung thực hiện NQ 89
2	Nâng cấp hạ tầng du lịch bãi tắm Hạ Thanh	4.000	2.000	-2.000	Đưa chung vào danh mục các bãi tắm Tam Thanh
3	Hạ tầng du lịch Hương Trà	5.000	3.000	-3.000	Đầu tư danh mục hạ tầng du lịch chung thực hiện NQ 89
4	Nâng cấp hạ tầng khu vực nghĩa địa đồi ông Sang	8.000	7.500	-7.500	Đưa ra khỏi danh mục
5	Nâng cấp hạ tầng nghĩa trang cộng đồng xã Tam Thăng	50.000	28.200	-28.200	chuyển giai đoạn sau
6	Trung tâm VH-TT-TT thành phố tại phường An Phú (giai đoạn 2)	50.000	7.000	-7.000	CBĐT

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Điều chỉnh giảm KH trung hạn 21-25	Ghi chú
V	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG, THOÁT NƯỚC,...	947.318	255.500	-254.200	
1	Sửa chữa, nâng cấp nút chập đường Điện Biên Phủ-QL40B và khu TĐC	106.800	70.000	-68.700	Chuyển GD sau 2025, thực hiện CBĐT
2	Đường trục chính KCN Thuận Yên - QL40B	80.000	20.000	-20.000	Chuyển GD sau 2025, thực hiện CBĐT
3	Nút giao thông Nguyễn Văn Trỗi - Xuân Quý	10.000	7.000	-7.000	Chuyển GD sau 2025, thực hiện CBĐT
4	Khớp nối đường Lê Trí Viễn xuống Rừng cưa	5.000	4.000	-4.000	Chuyển GD sau 2025, thực hiện CBĐT
5	Đường và Hệ thống thoát nước Trường Xuân-Phú Ninh	163.344	12.000	-12.000	Chuyển đầu tư giai đoạn sau 2025
6	Khớp nối đường Trương Quang Giao ra Ông ích Khiêm	25.000	20.000	-20.000	Đưa ra khỏi danh mục (Thuộc dự án KDC Tây Bắc đường Thanh Hóa gđ 2)
7	Khớp nối nút giao thông từ đường bê tông đến đường Trần Phú, KP Mỹ Thạch Trung, phường Hòa Thuận	8.174	7.000	-7.000	chuyển giai đoạn sau 2025
8	Khớp nối, chỉnh trang đường Trần Nguyên Đán (Trần Đại Nghĩa - Bạch Đằng)	30.000	20.000	-20.000	chuyển giai đoạn sau, chờ quy hoạch
9	Cải tạo cảnh quan và khớp nối thoát nước phía Tây đường Nguyễn Hoàng	100.000	40.000	-40.000	chuyển giai đoạn sau 2025
10	Nâng cấp đường Hùng Vương	230.000			Đưa ra khỏi danh mục
11	Đường nối từ QL 40B đến đường Tam Kỳ - Phú Ninh (qua nghĩa trang thành phố)	10.000	7.000	-7.000	chuyển giai đoạn sau 2025
12	Đường nối từ đường ĐT 615 ra sông Đầm	2.000	1.500	-1.500	Đưa ra khỏi danh mục
13	Chỉnh trang, khớp nối nút Chương Dương - Nguyễn Huy Chương	5.000	4.000	-4.000	Đưa ra khỏi danh mục, chuyên UBND phường thực hiện theo NQ 269
14	Đầu nối nước thải bệnh viện Đa khoa tỉnh	3.000	2.000	-2.000	Đưa ra khỏi danh mục

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Điều chỉnh giảm KH trung hạn 21-25	Ghi chú
15	Thoát nước đường bê tông Trà Lang - Đồng Nghệ	8.000	7.000	-7.000	Đưa ra khỏi danh mục
16	Nâng cấp vỉa hè, thoát nước đường trục chính KCN Tam Thăng	5.000	4.000	-4.000	Đưa ra khỏi danh mục
17	Đường nối từ đường Bình Hòa - Ngọc Bích (xã Tam Ngọc) đến nhà SHKP Đồng Sim	12.000	4.000	-4.000	chuyển giai đoạn sau
18	Khớp nối hạ tầng nút giao thông đường Lê Tấn Trung - QL 40B	7.000	4.000	-4.000	chuyển giai đoạn sau
19	Nâng cấp mở rộng đường Ngô Thị Nhậm (đoạn Lê Trí Viễn đến cuối kênh N24)	12.000	8.000	-8.000	Đưa ra khỏi danh mục
20	Cải tạo, nâng cấp cầu Hoàng Diệu	5.000	4.000	-4.000	Đưa ra khỏi danh mục
21	Tuyến kênh cắt lũ phía Tây đường Nguyễn Hoàng	120.000	10.000	-10.000	Chuyển giai đoạn sau
VI	HẠ TẦNG CÁC KHU DÂN CƯ	715.000	38.000	-38.000	
1	KDC Hồng Lư - Hương Chánh	50.000	14.000	-14.000	Đưa ra khỏi danh mục
2	KDC dọc đường bao Nguyễn Hoàng tại phường An Sơn	30.000	10.000	-10.000	Chuẩn bị đầu tư
3	Thảm nhựa mặt đường và vỉa hè Khu dân cư Nam Tam Thanh	10.000	8.000	-8.000	Đưa ra khỏi danh mục
4	Nhà ở xã hội An Hà Nam	600.000	2.000	-2.000	Đưa ra khỏi danh mục
5	KDC bến xe cũ Quảng Nam	25.000	4.000	-4.000	Đưa ra khỏi danh mục, chờ QH phân khu
VII	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ MÔI TRƯỜNG	126.000	27.500	-27.500	
1	Cải tạo, đập đan mương thoát nước dọc tuyến Trung Nữ Vương	6.000	5.500	-5.500	Đưa ra khỏi danh mục (sử dụng Nguồn KTTTC)
2	Cải tạo, đập đan mương thoát nước khu vực Khối phố 6 An Sơn	5.000	4.500	-4.500	Đưa ra khỏi danh mục (sử dụng Nguồn KTTTC)
3	Mương thoát nước từ sau Trung tâm GDTX đến đường Trương Chí Cương	7.000	3.500	-3.500	Đưa ra khỏi danh mục
4	Lắp đặt đan mương tuyến mương trần từ Lê Lai đến hồ Nguyễn Du	8.000	4.000	-4.000	chuyển giai đoạn sau
5	Hệ thống xử lý nước thải KCN Thuận Yên	80.000			Đưa ra khỏi danh mục, NS Tỉnh đầu tư

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Điều chỉnh giảm KH trung hạn 21-25	Ghi chú
6	Mở rộng hệ thống thu gom nước thải tại các khu dân cư	20.000	10.000	-10.000	Đưa ra khỏi danh mục (sử dụng Nguồn sự nghiệp)
VIII	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP				
IX	HẠ TẦNG KINH TẾ	33.500	8.000	-8.000	
1	Hỗ trợ khuyến khích PTHT, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm NN trên địa bàn	2.000	0		Đưa ra khỏi danh mục (Tinh hỗ trợ)
2	Xây dựng đập Đông Trà	1.500	1.000	-1.000	Chuyển giai đoạn sau
3	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng các Làng nghề truyền thống	10.000	3.000	-3.000	thực hiện theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND thành phố về về phát triển kinh tế nông nghiệp thành
4	Đập ngăn mặn Xuân Quý kết hợp cầu, đường Xuân Quý, xã Tam Thăng	20.000	4.000	-4.000	CBĐT
X	ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG				
XI	TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, TRỤ SỞ CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, UBND XÃ, PHƯỜNG, AN NINH QUỐC PHÒNG	5.500	4.500	-4.500	
1	Camera giám sát An ninh	4.000	3.500	-3.500	Đưa ra khỏi danh mục (sử dụng nguồn thường xuyên)
2	Sửa chữa trụ sở Đội quy tắc đô thị (05 Trần Nguyên Hãn)	1.500	1.000	-1.000	Đưa ra khỏi danh mục (sử dụng nguồn SC thường xuyên)
A	TỔNG CỘNG:	2.146.920	475.486	-474.186	
	Tổng cộng: 64 danh mục				

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH Vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	Quy hoạch chi tiết Làng sinh thái Cà Ban	1.000	1.000	
2	Hạ tầng phát triển kinh tế nông nghiệp (thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND thành phố về phát triển kinh tế nông nghiệp thành phố giai đoạn 2022-2025)	12.000	10.000	
3	Hạ tầng phát triển du lịch thành phố Tam Kỳ (thực hiện Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND thành phố về phát triển du lịch thành phố đến năm 2025)	17.000	10.000	
4	Hỗ trợ xây dựng chòi, phòng trú bão, lụt giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 17/5/2023 của HĐND thành phố	5.000	5.000	
5	Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà văn hóa – khu thể thao thôn, khối phố và lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời theo Nghị quyết số 415/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thành phố	17.000	15.000	
6	Hỗ trợ cải tạo CSVC một số trường THPT	10.000	8.000	
7	Hỗ trợ công trình phúc lợi huyện kết nghĩa Lệ Mâm	2.000	2.000	
8	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM theo Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/10/2022 của HĐND thành phố về phê duyệt DM công trình đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	15.859	5.000	
9	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố	4.000	2.000	
10	Trường THCS Nguyễn Du (gđ 1)	47.000	25.000	(bs, nâng cấp CSVC để đảm bảo số phòng học, nhà đa năng,...)
11	Hạ tầng cảnh quan du lịch Sông Đầm	14.900	10.000	BS danh mục

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH Vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
12	Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ		500	BS danh mục CBĐT
13	Khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học sông Đầm		500	BS danh mục CBĐT
14	KDC Trung tâm hành chính xã Tam Phú		500	BS danh mục CBĐT
15	Đường vành đai phía Tây Thành phố và khu dân cư hai bên đường		1.000	BS danh mục CBĐT
16	Quảng trường biển và bãi tắm cộng đồng Nguyễn Tất Thành (gđ 1) 17ha		15.000	BS danh mục để GPMB, san nền (2024-2025)
A	TỔNG CỘNG:	145.759	110.500	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(sau điều chỉnh, bổ sung)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
I	CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH	40.331	21.957	6.850	0	28.807	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	8.503	1.478	1.000	0	2.478	
1	QH phân khu 2 tỷ lệ 1/2000 tại phường Trường Xuân và Hòa Thuận	2.690					
2	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điều chỉnh KDC TĐC An Sơn	617					
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đường Điện Biên Phủ, cảnh quan hai bên đường và nhà ga trung tâm	772					
4	QH Khu đô thị kiểu mẫu Tây Bắc	1.895					
5	QHCT Nghĩa trang nhân dân Phú đông	769					
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và khu ở cho người thu nhập thấp	605					
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu TĐC thôn Phú Bình, xã Tam Phú	440					
8	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 1)	715					
c	Dự án mới	31.828	20.479	5.850	0	26.329	
1	Quy hoạch phân khu 1 (tỷ lệ 1/2000)	2.789	1.400	1.300		2.700	
2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu 3 (1/2000)	1.070	700	200		900	
3	Điều chỉnh quy hoạch phân khu 4 (1/2000)	880	700	50		750	
4	Điều chỉnh quy hoạch phân khu 5 (1/2000)	1.957	700	1.000		1.700	
5	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Khối phố 8 phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ	2.000	1.900			1.900	
6	Quy hoạch chi tiết Làng sinh thái Hương Trà	1.000	1.000			1.000	
7	Quy hoạch phân khu sông Đầm	3.500	3.000			3.000	Điều chỉnh tên Dự án
8	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư Thuận Trà mở rộng	1.041	500	300		800	
9	Quy hoạch Khu trung tâm hành chính phường An Phú	1.500	1.200			1.200	
10	Quy hoạch công viên cửa ngõ phía Tây thành phố	700	700			700	
11	Quy hoạch chi tiết (1/500) KDC Phương Hòa, phường Hòa Thuận	1.200	1.100			1.100	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
12	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Tam Kỳ	2.191	2.079			2.079	Đã hoàn thành
13	Quy hoạch Phân khu 6	2.000	1.500			1.500	
14	Lập Quy chế quản lý Kiến trúc	1.500	1.300			1.300	
15	Điều chỉnh quy hoạch Phân khu 2 (1/2000)	1.500	1.200			1.200	
16	Quy hoạch chi tiết Làng sinh thái Cà Ban			1.000		1.000	DM bổ sung
17	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố	4.000		2.000		2.000	DM bổ sung
18	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân khu, QH chi tiết	3.000	1.500			1.500	
II	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - CÂY XANH	481.693	171.000	7.500	-5.000	173.500	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán			0	0	0	
b	Dự án chuyển tiếp	225.506	96.000	2.500	-5.000	93.500	
1	Trồng, phục hồi hệ sinh thái sông đằm	8.930	3.000	2.500	0	5.500	
2	Công viên Hồ Nguyễn Du	22.776	3.000	0	0	3.000	
3	Khu công viên cảnh quan đường Điện Biên Phủ, P An Mỹ	153.800	50.000	0	0	50.000	
4	Hoàn thiện cảnh quan Hồ Điều Hòa An Xuân và khu vực xung quanh hồ	40.000	40.000	0	-5.000	35.000	
c	Dự án mới	256.187	75.000	5.000	0	80.000	
1	Công viên cảnh quan ven sông Bàn Thạch (gđ 1)	7.766	5.000	2.000		7.000	
2	Đề án trồng cây xanh trên địa bàn thành phố (năm 2022-2025)	25.000	20.000			20.000	
3	Công viên cửa ngõ phía Tây thành phố	40.000	17.000			17.000	
4	Công viên cảnh quan ven sông Bàn Thạch	150.064	10.000			10.000	
5	Hoàn thiện cảnh quan Hồ Điều Hòa An Sơn	20.000	15.000			15.000	
6	Cảnh quan khuôn viên nút Hồ Nghinh - Bạch Đằng (Trồng cỏ, cây xanh, điện chiếu sáng)	7.998	4.000	3.000		7.000	
7	Trồng và phục hồi hệ sinh thái sông Đằm (gđ2)	5.359	4.000			4.000	
III	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	550.166	236.918	133.500	-46.000	324.418	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	38.754	3.784	2.500	0	6.284	
1	Trường Mẫu giáo Bình Minh	14.117					
2	Trường MG Hoa Sen	6.852					

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
3	Trường TH Lê Văn Tám	12.751					
4	NC Trường THCS Lý Tự Trọng	5.034					
5	Trường Mẫu giáo Sơn Ca (GD3) Hạng mục: bổ sung	13.538					
6	Sửa chữa, nâng cấp Trường Mẫu giáo 24/3	6.358					
b	Dự án chuyển tiếp	51.663	21.000	6.000	0	27.000	
1	Trường TH Ngô Quyền (5 phòng học, 4 phòng chức năng...)	11.000		6.000		6.000	
2	Mặt bằng Hòa Mi	11.912	4.000			4.000	
3	Trường MG Rạng Đông	14.058	9.000			9.000	
4	Trường MG Hòa Mi	14.693	8.000			8.000	
5	Dự án mới	459.749	212.134	125.000	-46.000	291.134	
1	Trường TH Phan Thanh (Khối nhà lớp học 12 phòng, nhà đa năng, cải tạo sân trường, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ khác)	14.983	14.000			14.000	Đã hoàn thành
2	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm (Xây mới 06 phòng học, 01 phòng tin học, 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 02 phòng Đoàn đội, y tế, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện, 01 hội đồng sư phạm, 01 phòng truyền thống, 04 phòng làm việc)	14.937	14.000			14.000	Đã hoàn thành
3	Trường TH Nguyễn Hiền	7.920	7.400			7.400	Đã hoàn thành
4	Sửa chữa, nâng cấp trường Tiểu học Phan Thanh (cơ sở Kim Đới)	4.824	4.300			4.300	Đã hoàn thành
5	Tường rào, hệ thống thoát nước, sân thể thao Trường TH Ng. T.Minh Khai	3.000	2.500			2.500	
6	Trường TH Trần Quý Cáp (Xây mới 06 phòng học, 01 phòng tin học, 02 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng Đoàn đội, y tế, 01 phòng hội đồng sư phạm, 01 phòng truyền thống, 01 nhà đa năng,...)	14.938	13.000			13.000	
7	Trường THCS Lê Hồng Phong	43.120	22.000	10.000		32.000	
8	Trường THCS Nguyễn Huệ (Xây mới 12 phòng học, 01 nhà đa năng)	43.588	11.434	20.000		31.434	
9	Trường THCS Nguyễn Khuyến (Xây mới 02 phòng Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ, 01 phòng tin học, 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng đoàn đội, y tế, 01 phòng hội đồng sư phạm, 01 nhà đa năng)	12.000	6.000	3.000		9.000	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng Xây mới 04 phòng Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ, 01 phòng tin học, 02 phòng âm nhạc, mỹ thuật, 02 phòng ngoại ngữ	33.439	7.000	18.000		25.000	
11	Trường MG Vĩnh Xuyên Khởi hiệu bộ, phục vụ học tập	9.000	4.000	3.000		7.000	
12	Trường THCS Hòa Thuận	45.000	30.000		-20.000	10.000	Dự kiến không sử dụng hết vốn
13	Trường MG Hải Âu (Cơ sở chính) Xây mới 03 phòng học, 01 phòng PHT, 01 phòng tin học, 01 phòng hội đồng sư phạm, 01 phòng tiếng anh, 01 nhà bếp	10.000	3.000	5.000		8.000	
14	Trường MG Măng Non (Cơ sở chính) Xây mới 03 phòng học, cải tạo 03 phòng học, 01 phòng tin học, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng truyền thống	12.000	3.000	6.000		9.000	0
15	Trường MG Anh Đào Xây mới 03 phòng học, 01 phòng tin học, 01 phòng ngoại ngữ. Nâng cấp sửa chữa khu hiệu bộ	14.000	4.000	6.000		10.000	
16	Trường Chu Văn An Khoi phong chuc nang, phong hoc	15.000	7.500			7.500	
17	Mở rộng diện tích, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất một số trường học	50.000	20.000	20.000		40.000	
17.1	Mở rộng diện tích trường học	20.000				15.000	
17.2	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất một số trường học	12.000				10.000	
17.3	Thí điểm xây dựng khu dạy Stern, thư viện số trường học	18.000				15.000	
18	Trường TH Trần Quốc Toàn	5.000	3.000	1.000		4.000	
19	Trường THCS Nguyễn Du (gd 1)	47.000		25.000		25.000	(bs, nâng cấp CSVC để đảm bảo số phòng học, nhà đa năng,...)
20	Hỗ trợ cải tạo CSVC một số trường THPT	10.000		8.000		8.000	
21	Nâng cấp, mở rộng, sửa chữa, xây mới nhà Đa năng tại các trường học		36.000		-26.000	10.000	
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN- THỂ DỤC THỂ THAO- Y TẾ- XÃ HỘI	493.834	159.551	80.840	-42.000	198.391	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	110.029	560	1.440	0	2.000	
1	Phục vụ du lịch bãi tắm Hạ Thanh và Làng nghệ thuật cộng đồng xã Tam Thanh	861					
2	Nhà vệ sinh tại đình làng Phương Hòa và đình Vĩnh Bình						
3	Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Tam Kỳ	4.472					
4	Nhà vệ sinh tại di tích đình làng mỹ Thạch	380					

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
5	Hạ tầng KDL sinh thái và bãi tắm Hạ Thanh	104.316					
b	Dự án chuyển tiếp	141.216	48.191	10.000	-25.000	33.191	
1	Nâng cấp chỉnh trang NTLS xã Tam Thanh	3.000	1.000			1.000	
2	Khu phúc lợi giáo dục Làng Hoa Sen (GPMB)	12.108		10.000		10.000	(BS để GPMB theo phương án đã duyệt)
3	Chống thấm, lắp đặt kệ trưng bày nhà truyền thống thành phố	1.500	838			838	
4	Sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi thành phố	650	350			350	
5	Hạ tầng làng du lịch sinh thái Hương Trà	15.979	13.000			13.000	
6	Chuẩn bị mặt bằng khu TT KP 11 An Mỹ	1.989	1.900			1.900	
7	Nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã Tam Phú (Nghĩa trang nhân dân Phú Đông, xã Tam Phú)	102.200	30.000		-25.000	5.000	Xin thêm nguồn tỉnh
8	Trùng tu, tôn tạo Đình làng Thạch Tân	1.135	315			315	
9	Trùng tu, tu bổ tôn tạo di tích Đình Vĩnh Bình	400	-			0	
10	ĐT XD một số hạng mục phục vụ khu di tích tại Tam Thăng	2.255	788			788	
c	Dự án mới	242.589	110.800	69.400	-17.000	163.200	
1	Hạ tầng du lịch phát huy giá trị di tích quốc gia Địa đạo Kỳ Anh	3.000	2.900			2.900	
2	Phát huy giá trị di tích Văn Thánh- Khổng Miếu	900	900			900	
3	Trùng tu, tôn tạo cấp thiết di tích lăng Đức cá ông Nam Hải	5.790	3.700			3.700	NS tỉnh: 640 triệu đồng
4	Cải tạo cảnh quan Nhà truyền thống khu 56-58 Trần Cao Vân	7.935	4.000	3.000		7.000	
5	Trùng tu, tôn tạo di tích LSCM cấp quốc gia Địa đạo Kỳ Anh	14.123	10.000			10.000	NS tỉnh: 8 tỷ
6	Hạ tầng chuyển đổi số	10.000	8.000			8.000	
7	Khu phức hợp thể dục thể thao vùng Đông	76.000	22.000			22.000	01 khu
8	Hạ tầng du lịch các bãi tắm biển công cộng tại Tam Thanh	6.000	4.000			4.000	
9	Đầu tư một số hạng mục đảm bảo môi trường tại Nghĩa trang thành phố (Địa điểm: xã Tam Ngọc)	5.000	3.000	1.000		4.000	
10	Rừng cây mang tên Bác	1.200	1.000			1.000	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
11	Nhà tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt văn hóa, TDTT (KP 3, khu cồn thị Phước Hòa)	3.000	2.800	200		3.000	
12	Nâng cấp nghĩa trang Liệt sĩ thành phố	6.000	2.800	1.200		4.000	
13	Thư viện số	9.741	5.500	3.500		9.000	
14	Phát huy giá trị Văn Thánh - Khổng Miếu (giai đoạn 2)	5.000	1.250	1.750		3.000	
15	Khu mộ các chí sĩ yêu nước thành phố Tam Kỳ	5.000	1.950	1.750		3.700	
16	Hạ tầng cảnh quan du lịch Sông Đầm	14.900		10.000		10.000	BS danh mục
17	Quảng trường biển và bãi tắm cộng đồng Nguyễn Tất Thành (gd 1) 17ha			15.000		15.000	BS danh mục đề GPMB, san nền (2024-2025)
18	Hỗ trợ công trình phúc lợi huyện kết nghĩa Lạ Mâm	2.000		2.000		2.000	BS danh mục
19	Hạ tầng phát triển du lịch thành phố Tam Kỳ (thực hiện Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND thành phố về phát triển du lịch thành phố đến năm 2025)	17.000		10.000		10.000	BS danh mục
20	Hỗ trợ xây dựng chòi, phòng trú bão, lạt giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 17/5/2023 của HĐND thành phố	5.000		5.000		5.000	BS danh mục
21	Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà văn hóa – khu thể thao thôn, khối phố và lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời theo Nghị quyết số 415/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thành phố	17.000		15.000		15.000	BS danh mục
22	Khu phức hợp công viên phúc lợi xã hội và chăm sóc người cao tuổi (hạng mục : giải phóng mặt bằng, san nền)	28.000	37.000		-17.000	20.000	
V	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG, THOÁT NƯỚC,...	2.883.693	1.087.650	189.000	-284.800	1.061.850	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	221.309	1.889	10.000	0	11.889	
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT616 (đoạn từ cầu Kỳ Trùng đến bãi biển Hạ Thanh)	7.804					
2	Đường Đô thị N10	155.879					
3	Đường Hồ Xuân Hương (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Văn Dư)	8.532					
4	Đường Kỳ Phú- Phú Ninh (đoạn Nguyễn Hoàng- Trường Xuân)						
5	Di dời đường ống nước thải D500 và đường ống cấp nước D900	1.905		-			
6	Nâng cấp đường Xuân Hòa - Ấp Bắc	7.493		-			
7	Khớp nối các khu dân cư nội thị - Hạng mục: Khớp nối hạ tầng khu dân cư số 5	2.039		-			
8	Cải tạo vỉa hè , mương thoát nước thâm nhựa đường nội thị	37.658					

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
b	Dự án chuyển tiếp	1.405.362	424.185	66.000	-136.300	423.885	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường nối đường Tam Kỳ- Tam Thanh đi Tân Phú	21.965	20.000			20.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp nút chập đường Điện Biên Phủ-QL40B và khu TĐC	106.800	70.000		-68.700	1.300	Chuyển GD sau 2025, bố trí vốn CBĐT
3	Hoàn thiện đường Hồ Xuân Hương nối dài từ đường 24/3 đến đường N24 và khu TĐC	34.800	32.000		-17.000	15.000	
4	Bãi đỗ xe khu vực nút Điện Biên Phủ, Nguyễn Hoàng	1.200	185			185	Đã hoàn thành
5	SC nâng cấp đường Nguyễn Văn Trỗi	35.861	4.000	3.000		7.000	Đã hoàn thành
6	Đường Bạch Đằng và KDC phía tây	209.950	30.000	50.000		80.000	
7	Khớp nối nút giao thông Thái Phiên - Phan Châu Trinh	31.667	9.000		-6.000	3.000	
8	Duy tu cải tạo đường Lê Tân Trung	15.802	5.000			5.000	
9	Đường gom tại nút giao giữa đường Lý Thường Kiệt và đường Nguyễn Hoàng	28.707	8.000			8.000	
10	Mương thoát nước Phú Phong (Trần 2)	14.200	10.000			10.000	
11	Chỉnh trang khu nghiệp vụ giao thông	14.800	12.000		-2.000	10.000	
12	Khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu vực phía sau chợ An Sơn đến khu TĐC Nguyễn Hoàng	12.214	4.000		-2.600	1.400	Không sử dụng hết vốn
13	Hoàn thiện tuyến đường N24 (đoạn HTK-ĐBPhủ) và khu TĐC	305.500	90.000		-40.000	50.000	
14	Đường bao Nguyễn Hoàng	552.714	200.000			200.000	NS tính 168 tỷ (Giai đoạn 2021-2025: 132 tỷ)
15	Chỉnh trang KDC Sở Xây dựng	4.332		4.000		4.000	
16	Chỉnh trang, khớp nối hạ tầng, thoát nước khu dân cư Tứ Hiệp đến đường N24	14.851		9.000		9.000	
c	Dự án khởi công mới	1.257.022	661.576	113.000	-148.500	626.076	
1	Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Bạch Đằng đến Phan Châu Trinh)	33.102	27.000		-5.000	22.000	Dự án khớp nối
2	Nâng cấp đường giao thông Bà Tá đi An Hà (gd 1)	14.818	12.000			12.000	nt
3	Nâng cấp đường giao thông Bình Hòa - Ngọc Bích	28.012	25.000			25.000	nt
4	Nâng cấp mở rộng đường Xuân Hoà - Xuân Đông (Xuân Hoà Ấp Bắc giai đoạn 2)	23.196	10.000	5.000		15.000	nt
5	Sửa chữa tuyến đường bê tông Trà Lang – Đồng Nghệ	4.451	2.140	2.000		4.140	
6	Làm mới tuyến đường sản xuất tại cổng chui, thôn 2 (Trà Lang)	394	157			157	Đã hoàn thành
7	Làm mới tuyến đường sản xuất Đồng Cát, thôn Đồng Hành	635	248			248	Đã hoàn thành

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
8	Sửa chữa tuyến đường Tam Kỳ - Phú Ninh	298	18			18	Đã hoàn thành
9	Sửa chữa tuyến đường dân sinh thôn 5 (Đồng Nghệ)	1.175	413			413	Đã hoàn thành
10	Đường N10 (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Hoàng)	11.785	10.000			10.000	Dự án khớp nối
11	Đường vào Làng bún phương Hòa	37.846	30.000		-15.000	15.000	nt
12	Đường cây xăng Tam Phú đi chợ Kim Thành (gđ 1)	22.650	18.000			18.000	nt
13	Hạ tầng giao thông đường Ngô Thị Nhậm (đoạn từ Trung tâm TĐTT tỉnh đến kiệt nhà máy đèn)	79.471	50.000		-20.000	30.000	Thực hiện BT-GPMB
14	Nâng cấp, cải tạo mương thoát nước, vỉa hè tuyến đường Trương Nữ Vương (từ Nguyễn Chí Thanh - đường Nguyễn Hoàng)	6.045	5.000			5.000	Đã hoàn thành
15	Khớp nối các nút giao thông đường Thái Phiên	1.106	1.000			1.000	Dự án khớp nối
16	Thảm nhựa mặt đường các nhánh Khu dân cư số 9 và Khu dân cư số 10	1.194	1.100			1.100	Đã hoàn thành
17	Khớp nối nút giao thông khu dân cư phía Bắc chợ Tam Kỳ	5.000	4.500			4.500	Dự án khớp nối
18	Khớp nối hạ tầng khu vực phía Bắc Trung tâm thương mại	14.933	13.000			13.000	Dự án khớp nối
19	San lấp mặt bằng công viên cuối đường Hồ Nghinh	14.972	13.000			13.000	Dự án khớp nối
20	Khớp nối nút đường sau Bệnh viện Đa khoa tỉnh (lê Lợi -N24)	23.646	20.000		-10.000	10.000	GPMB
21	Khớp nối đường Hoàng Hoa Thám - Thái Phiên	67.825	40.000		-20.000	20.000	GPMB
22	Khớp nối các nút KDC số 10 Hòa Thuận	38.226	30.000		-15.000	15.000	Dự kiến không sử dụng hết KH vốn
23	Khớp nối hoàn thiện hạ tầng từ Tiểu La - Trần Dư (Kp 5, An Xuân)	21.056	18.000		-8.000	10.000	GPMB
24	Đường Bạch Đằng (đoạn Chợ - Duy Tân)	39.522	35.000			35.000	
25	Nâng cấp, mở rộng đường Xuân Bắc - Xuân Tây	14.896	12.000			12.000	
26	Khớp nối hạ tầng khu vực Trung tâm TĐTT (từ KDC hiện trạng đến đường Phan Châu Trinh)	56.062	35.000		-20.000	15.000	
27	Khớp nối đường Trương Công Hy đến Lý Thường Kiệt	10.000	9.000		-4.000	5.000	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
28	Khớp nối đường bao phía Tây đường Nguyễn Hoàng (đoạn trường TH Nguyễn Hiền - KP Phương Hòa Đông)	80.000	40.000		-20.000	20.000	Dự kiến không sử dụng hết KH vốn
29	Nâng cấp, mở rộng đường từ Làng Hoa Sen (Đ. Tam Kỳ-T.Thanh) đi thôn Phú Thạnh xã Tam Phú	23.648	10.000			10.000	
30	Nâng cấp đường Tam Kỳ - Phú Ninh cũ (Hòa Thuận)	14.981	8.000	2.000		10.000	
31	Đổi ứng dự án Đô thị thông minh	23.000	23.000			23.000	
32	Sửa chữa, cải tạo các tuyến đường Khu vực chợ Tam Kỳ	14.994	8.000	2.000		10.000	
33	Đường 24/3 (Thoát nước + vỉa hè + GPMB)	12.988	8.000			8.000	
34	Đường Tam Kỳ - Tam Thanh đi Ngọc Mỹ	45.329	9.000	6.000		15.000	
35	Đường nối Hòa Thuận - Trường Xuân (dọc kênh 3 kỳ)	30.000	12.000		-11.500	500	CBĐT
36	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, thoát nước, vỉa hè đường Trần Văn Dư và khu vực nút Trần Văn Dư - Huỳnh Thúc Kháng	30.000	12.000	5.000		17.000	
37	NQ số 269/NQ-HĐND và Nghị quyết số 364/NQ-HĐND về đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang và khớp nối hạ tầng kỹ thuật tại các xã, phường	280.000	70.000	70.000		140.000	Tổng mức đầu tư dự kiến giai đoạn 2021-2023: 253 tỷ đồng (2021: 24; 2022: 101; 2023: 128). BS thêm kinh phí để đảm bảo hỗ trợ thực hiện các dự án khớp nối ở xã phường theo NQ.
38	Đường vành đai phía Tây Thành phố và khu dân cư hai bên đường			1.000		1.000	BS danh mục CBĐT
39	Tuyến thoát nước ngầm đường Trưng Nữ Vương	129.766	40.000	20.000		60.000	
VI	HẠ TẦNG CÁC KHU DÂN CƯ	5.491.988	1.266.724	65.000	-418.300	913.424	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	746.350	16.224	10.000	0	26.224	
1	Đường số 24 và khu dân cư hai bên đường	58.740					
2	Khu tái định cư phục vụ dự án đường Điện Biên Phủ (An Xuân, An Mỹ)	64.486					
3	Khu dân cư - tái định cư và đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1&2 (Giai đoạn 2)	29.561					
4	KDC Đông Tân Thạnh	138.204					
5	KDC Trung tâm HC phường Hòa Thuận	10.891					
6	KDC TĐC Đường Tam Kỳ-Tam Thanh P An Phú	5.541					
7	Khu dân cư khối phố 1 Trường Xuân	20.160					
8	Khu dân cư - tái định cư và đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1&2 (GĐ1)	8.685					

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
9	Khu phố mới Tân Thạnh	209.026					
10	Khu dân cư phố chợ An Sơn	52.056					
11	Hoàn thiện đoạn BTXM N2A-N5A Mỹ Thạch Bắc	1.094					
12	Tiểu dự án KDC-TĐC và đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1 và Kỳ Phú 2 (gđ 1-2)	82.950					
13	Khu dân cư thôn Đồng Hành	29.060					
14	Khớp nối hạ tầng Khu dân cư số 6	11.136					
15	Xây dựng kết cấu HTKT DC và cảnh quan đường gom Nguyễn Hoàng	16.073					
16	Khu dân cư Đông Hùng Vương mở rộng	8.688					
17	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC ADB phường Tân Thạnh						
b	Dự án chuyển tiếp	2.016.202	902.500	24.500	-328.000	599.000	
1	ĐTĐD một phần công trình KDC phía tây An Hà - Quảng Phú	94.196	15.000			15.000	
2	Xây dựng kết cấu HTKT KDC-TĐC và nhà ở cho công nhân, người có thu nhập thấp thành phố Tam Kỳ	105.010	10.000	10.000		20.000	
3	Khu dân cư Nam Tam Thanh	144.944	106.000		-36.000	70.000	
4	KDC TĐC Đường Tam Kỳ-Tam Thanh xã Tam Phú	31.513	17.000		-2.000	15.000	
5	Khu dân cư - Tái định cư Tây bắc đường Thanh Hóa (GD1)	157.601	50.000		-10.000	40.000	
6	KDC-TĐC dọc 2 bên đường Điện Biên Phủ	102.246	15.000			15.000	
7	Đường N10 và KDC 2 bên đường (Đoạn Phan Châu Trinh - Nguyễn Thái Học và Hùng Vương - Nguyễn Đình Chiểu)	322.488	70.000	10.000		80.000	
8	KDC - TĐC và đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1&2 (gđ 3)	45.332	2.500	2.500		5.000	
9	KDC-TĐC Thuận Trà	41.467	32.000		-10.000	22.000	
10	Khu TĐC thôn Phú Thạnh	53.826	40.000		-10.000	30.000	
11	KDC- TĐC khối phố 4, An Sơn	138.140	60.000			60.000	
12	KDC- TĐC và nhà ở cho công nhân, người có thu nhập thấp (giai đoạn 2)	12.857	5.000			5.000	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
13	Đường nối KDC số 6 đến Khu phố mới Tân Thạnh	416.343	250.000		-170.000	80.000	
14	KDC-TĐC Tây Nam Thuận Trà	83.600	60.000		-20.000	40.000	
15	Chỉnh trang KDC KP11 (Mỹ Thạch Trung), phường Hoà Thuận	130.600	80.000		-40.000	40.000	
16	Khu dân cư Thuận Trà 1	52.600	40.000		-10.000	30.000	
17	KDC Tứ Hiệp(gd3)	3.639		2.000		2.000	
18	KDC-TĐC thôn Phú Đông	79.800	50.000		-20.000	30.000	
c	Dự án mới	2.729.436	348.000	30.500	-90.300	288.200	
1	KDC-TĐC đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1&2 (giai đoạn 3) mở rộng	78.654	38.000	2.000		40.000	
2	Đường Nguyễn Phúc Chu nối dài và KDC hai bên đường	57.394	38.000		-13.000	25.000	
3	KDC Đông Nam cầu Kỳ Phú 1&2	173.992	48.000			48.000	
4	KDC-TĐC phía Nam phường An Phú	256.500	20.000			20.000	
5	Khớp nối hạ tầng gắn với xây dựng khu tái định cư đoạn Lý Thường Kiệt - đường bao Nguyễn Hoàng	11.284	10.500		-3.000	7.500	
6	Khu TĐC Tam Thăng (giai đoạn 2)	132.500	30.000			30.000	
7	Hoàn thiện hạ tầng KP Mỹ Thạch Bắc	3.700	3.500		-2.300	1.200	
8	Khu dân cư – tái định cư bến xe Nam Quảng Nam	211.246	2.000	18.000		20.000	
9	Khớp nối, chỉnh trang KDCTổ 10 phường An Mỹ	62.076	20.000			20.000	
10	Chỉnh trang KDC Ba Hen - An Mỹ Đông	45.000	20.000		-5.000	15.000	
11	KDC khối phố Mỹ Tây, phường An Mỹ	70.090	40.000		-20.000	20.000	
12	KDC-TĐC thôn Phú Đông (giai đoạn 2)	228.600	14.000			14.000	GPMB
13	KDC-TĐC An Phú	180.000	10.000		-9.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)
14	Khu TĐC thôn Tân Thái	212.400	14.000		-13.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
15	Khu dân cư Trường Đồng	35.000	5.000	10.000		15.000	
16	Chỉnh trang, khai thác quỹ đất ở trên địa bàn xã Tam Phú	65.400	5.000			5.000	
17	KDC Xuân Nam (Phường Trường Xuân)	150.000	5.000		-4.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)
18	KDC Phú Bình (Xã Tam Phú)	210.000	5.000		-4.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)
19	Khu Đô thị Thuận Trà	330.000	5.000		-4.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)
20	KDC phía Tây trường tiểu học Nguyễn Hiền	59.000	5.000		-4.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)
21	KDC Trung tâm hành chính xã Tam Phú			500		500	BS danh mục CBĐT
22	Khu ĐC thôn Tinh Thủy	156.600	10.000		-9.000	1.000	Chuẩn bị đầu tư (2024,2025)
VII	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ MÔI TRƯỜNG	573.503	98.660	20.500	0	119.160	
c	Dự án mới	573.503	98.660	20.500	0	119.160	
1	Cải tạo, nâng cấp mương thoát nước từ cống Nam nhà máy nước đến khu dân cư trước Trường Asean	1.920	1.900			1.900	
2	Cải tạo trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp và lò giết mổ gia súc phường Trường Xuân	1.106	1.100			1.100	Đã hoàn thành
3	Hệ thống thoát nước từ Ngã tư Khu công nghiệp Tam Thăng về Trung tâm hành chính xã	1.171	1.160			1.160	Đã hoàn thành
4	Khớp nối thoát nước từ Trần Quý Cáp ra Hồ Ngã Ba	8.073	7.500			7.500	Đã hoàn thành
5	Cải tạo khớp nối mương thoát nước từ hồ Khổng Miếu đến đường Bạch Đằng	8.031	7.500			7.500	Đã hoàn thành
6	Khớp nối thoát nước KDC Tây An Hà - Quảng Phú	11.272	10.000			10.000	
7	Mương thoát nước từ Cầu ngân hàng đến Cầu Mỹ	14.985	12.000			12.000	
8	Mương thoát nước từ hồ An Xuân - hồ Duy Tân	4.910	4.500			4.500	
9	Kè chống sạt lở kết hợp đường và cảnh quan ven sông Tam Kỳ và khu ĐC	499.035	40.000	20.000		60.000	Có sử dụng thêm nguồn tinh hỗ trợ
10	Mương thoát nước từ Đài Truyền hình đến mương ADB (khu Hiền Trang)	13.000	8.000			8.000	
11	Sửa chữa Kè biển Tam Thanh (đối ứng ODA)	10.000	5.000			5.000	Điều chỉnh để đối ứng dự án ODA

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
12	Khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học sông Đầm					500	
				500			BS danh mục CBĐT
VIII	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP	164.261	21.999	8.001	-3.000	27.000	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	120.466	3.999	8.001	0	12.000	
1	Đường trục chính KCN Thuận Yên	77.298					
2	BT-GPMB vệt CN dọc hai bên đường trục chính KCN Thuận Yên	33.307					
3	XD chi nhánh Công ty Giống cây trồng Thái Bình tại KCN Thuận Yên	6.475					
4	Vệt CN dọc hai bên đường trục chính KCN Thuận Yên; hạng mục: san nền (gd 1)	3.386					
c	Dự án mới	43.795	18.000	0	-3.000	15.000	
1	Vệt CN dọc hai bên đường trục chính KCN Thuận Yên (gd2); hạng mục: san nền	6.348	8.000		-3.000	5.000	Cập nhật theo tổng mức đầu tư được duyệt
2	San nền phía Nam KCN Thuận Yên	37.447	10.000			10.000	
IX	HẠ TẦNG KINH TẾ	389.854	35.301	50.500	0	85.801	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	119.657	3.101	0	0	3.101	
1	Hạ tầng khu du lịch sinh thái và bãi tắm Hạ Thanh	104.316					
2	Thủy lợi hóa đất màu xã Tam Ngọc	7.115					
3	Kiên cố hóa kênh Đông trạm bơm Tam Phú	4.860					
4	Trạm bơm điện An Hà	2.505					
5	Tiểu dự án Lô B thuộc quỹ đất hai bên đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ PCT-HV) thuộc dự án cơ sở hạ tầng và cảnh quan hai bên đường Kỳ Phú - Phú	485					
6	Bồi thường hỗ trợ công trình quản lý và khai thác quỹ đất khu số 15-17 Nguyễn Du	376					
c	Dự án mới	270.197	32.200	50.500	0	82.700	
1	Thủy lợi hóa đất màu bằng đường ống kín	2.467	2.200			2.200	
2	Chợ Trung tâm xã Tam Thăng	13.871	9.000			9.000	
3	Thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Kiên cố hóa Kênh mương trên địa bàn thành phố	6.000	6.000			6.000	
4	Chợ khu vực (Tam Ngọc, Trường Xuân...)	30.000	10.000			10.000	0
5	Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ					500	BS danh mục CBĐT
				500			

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
6	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM theo Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/10/2022 của HĐND thành phố về phê duyệt DM công trình đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	15.859		5.000		5.000	BS DM
7	Hạ tầng phát triển kinh tế nông nghiệp (thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND thành phố về phát triển kinh tế nông nghiệp thành phố giai đoạn 2022-2025)	12.000		10.000		10.000	BS danh mục CBĐT
8	Chợ Tam Kỳ	190.000	5.000	35.000		40.000	Điều chỉnh tên gọi
X	ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG		23.700	7.000	0	30.700	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán						
1	Sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện điện chiếu sáng đường Lý Thường Kiệt						
2	Di dời đường dây hạ thế phía Nam đường Thanh Hóa						
c	Dự án mới	48.488	23.700	7.000	0	30.700	
1	Đèn tín hiệu giao thông nút giao Nguyễn Văn Trỗi - Lam Sơn	1.253	1.200			1.200	
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường ĐX3	3.684	3.300			3.300	
3	Via hè và điện chiếu sáng đường Bình Hòa - Ngọc Bích	9.039	7.000			7.000	
4	Trung tâm điều hành điện chiếu sáng thông minh	3.237	3.000			3.000	
5	Điện chiếu sáng đường Tam Kỳ - Tam Thanh đi Tân Phú	1.275	1.200			1.200	
6	Lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông, Điện chiếu sáng trên các tuyến đường	30.000	8.000	7.000		15.000	
XI	TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, TRỤ SỞ CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, UBND XÃ, PHƯỜNG, AN NINH QUỐC PHÒNG	101.094	46.239	18.500	0	64.739	
a	Dự án hoàn thành; dự án chờ quyết toán	29.691	6.939	0	0	6.939	
1	Trụ sở UBND Tam Ngọc	14.177					
2	SC trụ sở UBND thành phố	6.711					
3	SC trụ sở làm việc khối mặt trận và các đoàn thể	6.203					
4	Hầm họp, hầm làm việc và nghỉ ngơi tại khu sơ tán của BCH Quân Sự thành phố	1.516					
5	Hầm cất giấu vũ khí	1.084					
c	Dự án mới	71.403	39.300	18.500	0	57.800	
1	Sửa chữa, nâng cấp khuôn viên trụ sở làm việc 101 Hùng Hương	1.200	1.200			1.200	Đã hoàn thành

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	KH vốn 2021-2025 (đã duyệt)	Đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 21-25		KH trung hạn 21-25 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Tăng	Giảm		
2	Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, sân nền và thiết bị trụ sở làm việc khối mặt trận và các đoàn thể	1.000	1.000			1.000	Đã hoàn thành
3	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND phường Hòa Hương	5.000	2.500	2.000		4.500	Đã hoàn thành
4	Đầu tư tu bổ, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm VH-TT-TT (Nhà VHTN)	1.000	1.000			1.000	
5	Kho lưu trữ Thành ủy	2.714	2.500			2.500	Đã hoàn thành
6	Xây dựng kho lưu trữ, sửa chữa, nâng cấp sân vườn và trụ sở UBND thành phố	9.995	7.000	1.000		8.000	
	Trụ sở Công an 4 xã						
7	Trụ sở CA Tam Thanh	7.810	7.000			7.000	
8	Trụ sở CA Tam Thăng	8.000	2.500	3.500		6.000	
9	Trụ sở CA Tam Phú	7.863	2.500	3.500		6.000	
10	Trụ sở CA Tam Ngọc	7.324	2.000	4.000		6.000	
11	Thao trường huấn luyện BCH QS thành phố	5.700	2.800	1.000		3.800	Điều chỉnh tên dự án cho phù hợp
12	Sửa chữa trụ sở Công an thành phố	3.197	2.800			2.800	Đã hoàn thành
13	Xây dựng Hội trường UBND phường Hòa Hương	5.600	1.500	2.500		4.000	
14	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ một số nhiệm vụ quốc phòng và phòng chống thiên tai (cơ sở 74 Hùng Vương)	5.000	3.000	1.000		4.000	
XIII	Bổ sung có mục tiêu cho UBND xã, phường thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm đối ứng địa phương thực hiện khớp nối, kênh mương, văn hóa, giáo dục, nông thôn mới,...) từ nguồn KTQĐ lẻ, HTH đất ở, CMD SDD.	120.000	120.000			120.000	
A	TỔNG CỘNG:		3.289.699	587.191	-730.400	3.147.790	
	Dự phòng		287.520		-243.104	44.416	
	Kế hoạch vốn DM cắt, giảm		475.486		(474.186)		
	TỔNG CỘNG:		4.052.705	587.191	(1.447.690)	3.192.206	
			Sau điều chỉnh:		-860.499		
			Tổng nguồn vốn			3.192.206	
			Vốn phân bổ cho các dự án			3.147.790	
			Dự phòng			44.416	